TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **110**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 11 tháng 08 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 263/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **ĐDH**, sinh năm 1986; CCCD: 001086050431; nơi đăng ký thường trú: Đội 8A thôn Đ, xã BT, thành phố H.

- *Bị đơn*: Chị **PTT**, sinh năm 1997; CCCD số: 019197007955; nơi đăng ký thường trú: Đội 8A thôn Đ, xã BT, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh ĐDH, sinh năm 1986 và chị PTT, sinh năm 1997.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh ĐDH và chị PTT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh H và chị Th cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu ĐDT, sinh ngày 02/01/2017 và cháu ĐTD, sinh ngày 11/11/2020.

Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu ĐDT cho chị Th là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu ĐTD cho anh H là bố trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh H và chị Th đến khi các con chung của anh chị trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung: Anh H và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh H và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh ĐDH chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0066162 ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hàn án dân sự huyện Gia Lâm (nay là Thi hành án dân sự thành phố H – Phòng Thi hành án dân sự số 5). Hoàn trả anh ĐDH số tiền 150.000 đồng còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự thành phố H;
- UBND xã Đa Tốn, Gia Lâm, HN (nay là xã Gia Lâm, HN) (GCNKH số 08 ngày 23/02/2016)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Ngọc